

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:64/2019/HS - ST
Ngày 26-11- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh;
2. Ông Nguyễn Đức Nghiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2019/TLST - HS ngày 05 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:68/2019/QĐXXST – HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn V, sinh năm 1988; Nơi sinh và cư trú: Khu phố B, phường N, thị xã L, tỉnh A; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; con ông: Nguyễn K; con bà: Hoàng V; vợ: Nguyễn Th, sinh năm 1990; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án: Tại Bản án số 63/2011/HSPT ngày 15/12/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 11/11/2015 chấp hành xong án phạt tù; tuy nhiên về phần bồi thường dân sự Nguyễn V chưa thi hành.

Nhân thân: Bản án số 51/2010/HSST ngày 28/4/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xử phạt Nguyễn V 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã được xóa án tích.

Bản án số 67/2019/HSPT ngày 30/9/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26 tháng 12 năm 2018 trong một vụ án khác (Có mặt).

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn HM, sinh năm 1942 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khu phố B, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ông Vương VTr, sinh năm 1936 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn PL, xã AH huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Ông Phan VS, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã HĐ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

4. Ông Phan TPh, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn 1, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đinh Ch, sinh năm 1934 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ông Nguyễn Th, sinh năm 1957 (Có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Y, xã G, huyện S, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn BL, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn V do không có nghề nghiệp ổn định nhưng lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên V nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khoảng đầu tháng 11 năm 2018, V từ A ra thành phố Hà Nội. Tại đây, V có gặp bà Nguyễn TH1, sinh năm 1955 (chưa xác định được nơi cư trú) có quê ở xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc là người dân khiếu kiện liên quan đến nội dung đất đai. Do có mục đích từ trước nên V giới thiệu mình là cán bộ tiếp dân phòng chống tham nhũng của Trung ương và đưa cho bà TH1 xem chứng minh nhân dân của mình. Sau nhiều lần gặp gỡ, bà TH1 tin tưởng nên đưa V xem đơn khiếu kiện cùng các tài liệu có liên quan nhờ V giải quyết giúp. Sau một thời gian, bà TH1 đưa V về quê ở xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, gặp một số người dân đang có đơn khiếu kiện là các ông Nguyễn HM; ông Vương VTr; ông Phan VS và ông

Phan TPh. Khi gặp các ông này V đều giới thiệu mình là cán bộ tiếp dân phòng chống tham nhũng của Trung ương và đưa 01 chứng minh nhân dân đã được chỉnh sửa, cắt ghép thông tin từ trước. Cụ thể V sử dụng giấy chứng minh nhân dân phô tô nhất được trước đó chèn ảnh, họ và tên, ngày tháng năm sinh thực tế của mình vào giấy chứng minh nhân dân này còn các thông tin vẫn giữ nguyên trên chứng minh nhân dân phô tô là của anh Nguyễn BL. V phô tô thành nhiều bản và đưa cho mỗi ông một bản với mục đích để che dấu thân phận lai lịch của mình khi bị phát hiện sẽ không ai tìm ra được. Quá trình gặp gỡ tiếp xúc với các ông HM, ông VTr, ông VS và ông PTh, V đều hứa hẹn giúp gửi đơn và giải quyết được các nội dung khiếu kiện của các ông. Sau đó, V thường xuyên liên lạc và đến nhà gặp gỡ từng người để lấy lý do trao đổi công việc. Khi biết họ đã tin tưởng mình, V yêu cầu các ông gửi đơn kèm theo tài liệu liên quan, đồng thời V yêu cầu cung cấp thêm sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân phô tô của họ. Sau khi nhận tài liệu mà các ông cung cấp, V đã cắt ghép các tài liệu thành bản phô tô A4 gồm các nội dung: Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước (có sửa một số nội dung trong mục này như ngày, tháng, năm và số tiền); Căn cước công dân; Phần nơi nhận và có chữ ký, đóng dấu phô tô màu đen của Cục trưởng Cục phòng chống tham nhũng Thanh tra Chính Phủ và 01 Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai có chữ ký và đóng dấu phô tô màu đen của Chánh văn phòng Ban nội chính trung ương và Phó chủ nhiệm Văn Phòng Chính Phủ để tạo lòng tin với các bị hại.

Đến ngày 17/11/2018, V gọi điện cho từng người nói là đã nghiên cứu xong nội dung đơn và hứa sẽ giúp được, nhưng yêu cầu họ phải nộp một khoản tiền gọi là tiền thuế đất, cụ thể V yêu cầu ông VTr phải nộp số tiền là 13.000.000đ, ông HM nộp 20.000.000đ, ông PTh nộp 18.000.000đ và ông VS nộp 14.000.000đ theo như giấy tờ V tự làm đưa cho các ông. Ngày 18/11/2018, V dẫn các ông HM, ông VTr, ông VS và ông PTh đi đến cửa hàng Viettel ở phường ĐT, thành phố Y1, tỉnh Vĩnh Phúc để nộp tiền. V đọc cho nhân viên cửa hàng chuyển tiền vào số tài khoản mang tên Nguyễn VT, (ông VT cho V mượn), ông HM nộp vào tài khoản số tiền 8.000.000đ, ông VTr nộp 2.000.000đ, ông VS nộp 10.000.000đ, ông PTh nộp 16.700.000đ. Do các ông HM, ông VTr, ông VS và ông PTh chưa nộp đủ số tiền mà V yêu cầu nên sau khi có tiền trong tài khoản, V nói sẽ cho các ông vay thêm tiền để nộp đủ số tiền V yêu cầu, các ông đều đồng ý. Sau đó, V đi ra cây ATM gần đó rút trong tài khoản số tiền 19.000.000đ và số tiền 6.000.000đ V có sẵn trên

người. V đã cho ông HM vay 10.000.000đ, ông VS vay 4.000.000đ và ông VTr vay 11.000.000đ, riêng ông PTh thì không vay của V. Số tiền vay lại của V, các ông HM, ông VTr và ông VS lại tiếp tục quay lại cửa hàng Viettel để nộp tiền vào tài khoản. Lúc này, ông HM, ông VS tự nộp vào tài khoản, còn ông VTr có việc nên đã nhờ và đưa tiền cho V nộp tiền hộ nhưng V không nộp vào tài khoản mà để ngoài tiêu sai cá nhân hết. Tất cả các lần nộp tiền thì nhân viên cửa hàng đều in và đưa lại giấy nộp tiền nhưng V đều giữ và đã vứt bỏ. Như vậy, tổng cộng số tiền các ông đã nộp và đưa cho V cụ thể là: Ông HM nộp 18.000.000đ vào tài khoản, ông VS nộp 14.000.000đ vào tài khoản, ông PTh nộp 16.700.000đ vào tài khoản, ông VTr nộp 2.000.000đ vào tài khoản và đưa cho V số tiền 11.000.000đ. Theo như yêu cầu của V ông HM còn thiếu 2.000.000đ, ông PTh thiếu 1.300.000đ. Sau khi có tiền từ các ông này nộp vào tài khoản thì V đã rút ra tiêu sai cá nhân hết.

Khoảng 3 đến 4 ngày sau, V quay lên huyện TD thì ông HM trả cho V số tiền 10.000.000đ đã vay và đưa thêm 2.000.000đ; Ông VTr đưa cho V số tiền 11.000.000đ đã vay; Ông PTh đưa thêm cho V số tiền 1.300.000đ và ông VS đưa cho V số tiền 4.000.00đ đã vay. Khoảng 15 ngày sau đó thì V gặp ông VTr và ông PTh yêu cầu mỗi ông nộp thêm số tiền 8.000.000đ để V giải quyết nội dung khiếu kiện về đất đai của hai ông, ông PTh đã đưa cho V số tiền 4.000.000đ, ông VTr đưa cho V số tiền 8.000.000đ theo yêu cầu của V. Tổng số tiền V đã chiếm đoạt của các ông là 77.000.000đ, trong đó: ông VTr là 21.000.000đ, ông HM là 20.000.000đ, ông PTh là 22.000.000đ và ông VS là 14.000.000đ.

Sau khi chiếm đoạt được tiền của các ông HM, ông VTr, ông VS và ông PTh, V tiếp tục lên tỉnh Lạng Sơn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 26/12/2018 Nguyễn V bị Công an thành phố Lạng Sơn khởi tố và bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với người phụ nữ tên “TH1”, quá trình điều tra xác định tại xã Hoàng Đan, huyện TD có người phụ nữ tên Nguyễn TH1, sinh năm 1955 có thông tin trùng khớp với lời khai của bị cáo, bị hại trong vụ án. Tuy nhiên, bà TH1 đã đi khỏi địa phương từ năm 2006, đi đâu làm gì địa phương không biết. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với ông Nguyễn VT là người cho V mượn tài khoản, quá trình điều tra xác định V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, V không nói, ông VT không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông VT.

Đối với anh Nguyễn BL là người V có bản phô tô chứng minh nhân dân của anh L2, quá trình điều tra xác định giữa anh L2 và V không có quan hệ gì, anh L2 không biết V lấy thông tin của anh để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L2.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn V đã chiếm đoạt của các bị hại. Cụ thể: Ông Vương VTr số tiền 21.000.000đ (số tiền này là tiền của ông Vương VTr và vợ là bà Đinh Ch); ông Nguyễn HM số tiền 20.000.000đ; ông Phan TPh số tiền 22.000.000đ; ông Phan VS số tiền 14.000.000đ. Các bị hại đều yêu cầu Nguyễn V bồi thường trả cho họ số tiền V đã chiếm đoạt. V đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKSTD ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD truy tố bị cáo Nguyễn V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị xử phạt Nguyễn V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam ngày 26 tháng 12 năm 2018. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án số 67/2019/HSPT ngày 30/9/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn V phải bồi thường trả cho Ông Vương VTr và bà Đinh Ch số tiền 21.000.000đ; ông Nguyễn HM số tiền 20.000.000đ; ông Phan TPh số tiền 22.000.000đ; ông Phan VS số tiền 14.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Xuất phát từ mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng đầu tháng 11 năm 2018, bị cáo Nguyễn V bằng thủ đoạn gian dối đã chỉnh sửa thông tin cá nhân trên chứng minh nhân dân và tự nhận mình là cán bộ Ban phòng chống tham nhũng Trung ương, có khả năng giải quyết khiếu nại nên đã lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 77.000.000đ của ông Vương VTr; ông Nguyễn HM; ông Phan TPH; ông Phan VS.

[3] Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 77.000.000đ nêu trên của Nguyễn V đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Khi thực hiện hành vi phạm tội V đang có tiền án của Bản án số 63/2011/HSPT ngày 15/12/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bản án này xác định bị cáo V tái phạm nên thực hiện hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Hành vi của Nguyễn V đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

d) Tái phạm nguy hiểm”.

[4]. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại ông Nguyễn HM, sinh năm 1942 và ông Vương VTr, sinh năm 1936 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nêu trên được xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] Với tính chất và mức độ phạm tội như trên cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Bị cáo đang chấp hành hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án số 67/2019/HSPT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Cần tổng hợp với hình phạt của bản án này để buộc bị cáo V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

[8] Đối với những người theo lời khai của bị cáo gồm:

-Người phụ nữ tên “TH1”, quá trình điều tra xác định tại xã H, huyện TD có người phụ nữ tên Nguyễn TH1, sinh năm 1955 có thông tin trùng khớp với lời khai của bị cáo, bị hại trong vụ án. Tuy nhiên, bà TH1 đã di khỏi địa phương từ năm 2006, đi đâu làm gì địa phương không biết. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

-Đối với ông Nguyễn VT là người cho V mượn tài khoản, quá trình điều tra xác định V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, V không nói, ông VT không

biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông VT là phù hợp.

-Đối với anh Nguyễn BL là người V có bản phô tô chứng minh nhân dân của anh L2, quá trình điều tra xác định giữa anh L2 và V không có quan hệ gì, anh L2 không biết V lấy thông tin của anh để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L2 là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn V phải hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cụ thể: Ông Vương VTr và vợ là bà Đinh Ch 21.000.000đ; ông Nguyễn HM 20.000.000đ; ông Phan TPh 22.000.000đ và ông Phan VS 14.000.000đ. Bị cáo V đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Cần buộc V phải bồi thường số tiền nêu trên cho các bị hại.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 48, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Nguyễn V 04 (bốn) năm tù, tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 67/2019/HSPT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Buộc Nguyễn V phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/12/2018.

4. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn V phải hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại cụ thể như sau:

- Ông Vương VTr và bà Đinh Ch 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng chẵn);

- Ông Nguyễn HM 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn);
- Ông Phan TPh 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng chẵn);
- Ông Phan VS 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng chẵn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.850.000đ (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự.

6. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Những người tham gia tố tụng;
- LuuHS,VP,THAHS.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc

